

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều
2. Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai vụ án thụ l số 278/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chiêu Thị L; SN 1983 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Hà Văn S, SN 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018 và bản tự khai ngày 25/7/2018 nguyên đơn chị S có ý kiến: vào năm 2005 chị và anh S quen biết nhau do mai mối nhưng chị và anh S tự nguyện đến với nhau được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào 22/2/2005, sau khi cưới chị về sống bên chồng. Đến năm 2008 vợ chồng lên Long An tìm việc làm, trong thời gian này vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến tháng 4/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau, đồng thời do anh S quen người đàn bà khác không quan tâm đến vợ con và thường hay đánh đập chị, chửi chị rất thậm tệ, từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng nên anh S đã bỏ mẹ con chị đi theo người đàn bà bên ngoài, từ đó vợ chồng ly thân vào tháng 8/2017 đến nay, từ lúc ly thân không bên nào tạo điều kiện hàn gắn lại. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh S nữa, sống chung không có hạnh phúc vả lại thời gian ly thân khá lâu mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu: Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh S; Về con chung: Hà Ngọc Nhã Tr; SN 19/01/2006 tùy theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con, riêng con Hà Nhật N; SN 10/3/2017 chị yêu cầu nhận nuôi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung-nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn S vắng mặt nên không có lời khai. Nhưng trong quá trình thụ l giải quyết vụ án, ngày 08/8/2018 Thẩm phán có xác minh bà Trần Thị Đặt; Sinh năm 1951 là mẹ ruột của anh Hà Văn S, được bà Đặt cho biết sau khi nhận được thông báo thụ l vụ án của Tòa án, Bà có điện thoại cho anh Hà Văn S về để giải quyết việc gia đình nhưng anh S đang làm thuê ở Đồng Nai nên không về và anh S cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị Chiêu Thị L.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2018 cháu Hà Ngọc Nhã Tr; Sinh ngày 19/01/2016 có ý kiến: Cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ là chị Chiêu Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ l cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không tuân thủ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm ,thu, nộp, quản l và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Chị Chiêu Thị L được ly hôn với anh Hà Văn S. Về con chung: Hà Ngọc Nhã Tr; SN 19/01/2006; Hà Nhật N; SN 10/3/2017 giao cho chị L nuôi dưỡng (là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr được sống chung với chị L), về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, buộc chị Chiêu Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét về việc thụ l và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ l và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục nhận và xử l đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 191 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ l vụ án, về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 03/7/2018 và ngày 25/7/2018. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện theo Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân. Đối với nguyên đơn thì có mặt tham gia kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn thì vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở xét xử vắng mặt chị Chiêu Thị L và anh Hà Văn S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Chiêu Thị L về hôn nhân. Qua tài liệu chứng cứ cùng với lời khai của đương sự đã cho thấy hôn nhân của chị Chiêu Thị L với anh Hà Văn S là hợp pháp, thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số I/2014, đăng ký ngày 22/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T. Theo chị L trình bày sau khi kết hôn chị về sống bên chồng, đến năm 2008 vợ chồng lên Long An tìm việc làm, trong thời gian này vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 4 năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm và do anh S có quen người khác không quan tâm đến vợ con và còn hay đánh đập, chửi chị rất thậm tệ, từ đó mà vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nhiều hơn, đến tháng 8/2017 thì anh S bỏ mẹ con chị đi cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng ly thân, từ lúc ly thân đến nay hai bên không có tạo điều kiện hàn gắn lại đến nay chị nhận thấy giữa vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày chị L yêu cầu ly hôn, anh S không phản đối, không yêu cầu đoàn tụ. Từ đó căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Chiêu Thị L được ly hôn với anh Hà Văn S.

[4] Về con chung: Hà Ngọc Nhã Tr; SN 19/01/2006; Hà Nhật N; SN 10/3/2017 giao cho chị L nuôi dưỡng (cùng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr được sống chung với chị L), về cấp dưỡng nuôi con chị L tự nguyện rút lại yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị Chiêu Thị L khai không có, anh Hà Văn S cũng không có văn bản phản đối, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Chiêu Thị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và các Điều 271, 273, 277, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chiêu Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Chiêu Thị L được ly hôn với anh Hà Văn S.

2. Về con chung: Hà Ngọc Nhã Tr; SN 19/01/2006; Hà Nhật N; SN 10/3/2017 giao cho chị S nuôi dưỡng (cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr được sống chung với chị L), về cấp dưỡng nuôi con chị L tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013940 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành dân sự huyện T thì chị L không phải nộp tiếp.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Chiêu Thị L và anh Hà Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài Thanh

